

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2020/DS-ST

Ngày: 07-9-2020

V/v Tranh chấp về dân sự -

Thực hiện nghĩa vụ người
chết để lại.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đô;

- Các Hội thẩm nhân dân:

- 1. Bà Hồ Thị Mai Hương;**
- 2. Ông Châu Quốc Tuấn;**

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ngọc Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 473/2020/TLST-DS, ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp dân sự - Thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2020/QĐXXST- DS ngày 12/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H.E, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 896/1, tổ 1, ấp Thanh Tiến, xã Nhị Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Minh Th, sinh năm 1981.

Địa chỉ: số 12/8/6, đường số 8, tổ 11, khu phố 4, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: 1. Bà Nguyễn Thị B.N, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Ấp Thanh Tiến, xã Nhị Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Nguyễn Thị T.L, sinh năm 1946;

Đại diện theo ủy quyền của bà L là: Bà Phạm Thị Tuyết H, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp 4, xã Tân Hội Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1947;

Đại diện theo ủy quyền của bà X là: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Bà Nguyễn T.T.L, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Ấp Nguyễn Cử, xã Nhị Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Th có mặt; bà B.N, bà H, ông T và bà L có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/04/2020; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Đặng Minh Th là đại diện của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị B (chết năm 1998) là mẹ ruột của ông Nguyễn Văn H.E. Trước khi chết bà B có thiếu nợ 25 chỉ vàng 24Kra; bà B có 06 người con là ông H.E, bà B.N, bà L, bà X, bà L. và bà Nguyễn Thị Kim X (chết năm 2015). Sau khi bà B chết thì ông H.E là người đưa ra 25 chỉ vàng 24Kra để trả nợ thay cho bà B.

Trước đây ông H.E khai phá và được cấp GCN QSDĐ năm 1999 với diện tích 18.511m² (đo đạc thực tế 17.069m²), thửa 29, TBĐ số 06, tọa lạc xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Tuy nhiên, bà B.N, bà L, bà X và bà L. cho rằng đó là đất do bà B để lại và yêu cầu chia thừa kế. Theo bản án sơ thẩm và phúc thẩm xác định đó là di sản do bà B để lại và chia cho thừa kế diện tích 17.069m² đất cho các con bà B. Trong 02 bản án bà B.N, bà L, bà X và bà L. đều thừa nhận ông H.E có đưa ra 25 chỉ vàng 24Kra để trả nợ thay cho bà B; đồng thời đồng ý mỗi người trả lại cho ông H.E 05 chỉ vàng 24Kra. Tuy nhiên, trong vụ án chia thừa kế trên thì ông H.E chưa yêu cầu trả lại vàng.

Ngoài ra khi bà X chết thì ông H.E đã bỏ ra 68.000.000 đồng để lo thuốc chữa bệnh và chi phí làm mai táng. Sau khi chết bà X có để lại di sản gồm các thửa đất 05, 09, 119 với tổng diện tích là 7.084m² ở xã Nhị Mỹ. Cũng theo bản án sơ thẩm, phúc thẩm ở trên thì di sản của bà X được chia cho ông H.E, bà B.N, bà L, bà X, bà L.. Tất cả bị đơn đồng ý mỗi người trả lại cho ông H.E 13.600.000 đồng nhưng ông H.E chưa yêu cầu nên chưa được giải quyết.

Nay ông H.E khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B.N, bà L, bà X, bà L. mỗi người trả lại cho ông H.E 05 chỉ vàng 24Kra và 13.600.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 04/8/2020 bà Nguyễn Thị B.N là bị đơn trình bày:

Thừa nhận trước đây bà có yêu cầu chia thừa kế diện tích diện tích 18.511m² (đo đạc thực tế 17.069m²), thửa 29, TĐĐ số 06, tọa lạc xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp của bà Nguyễn Thị B và các thửa đất 05, 09, 119 với tổng diện tích là 7.084m² ở xã Nhị Mỹ của bà X. Tòa án đã giải quyết vụ án theo 02 bản án sơ thẩm, phúc thẩm theo như 02 bản án do nguyên đơn cung cấp. Tại bản án thì bà B.N thừa nhận việc ông H.E có đưa 25 chỉ vàng 24Kra thực hiện nghĩa vụ của bà B và 68.000.000 đồng để lo thuốc chữa bệnh và chi phí làm mai táng cho bà X.

Nay bà Nguyễn Thị B.N đồng ý thực hiện nghĩa vụ của bà B và bà X để lại là trả cho ông H.E 05 chỉ vàng 24Kra và 13.600.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 04/8/2020 ông Nguyễn Văn T là đại diện theo ủy quyền của bà X là bị đơn trình bày.

Thừa nhận trước đây bà X có yêu cầu chia thừa kế diện tích diện tích 18.511m² (đo đạc thực tế 17.069m²), thửa 29, TĐĐ số 06, tọa lạc xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp của bà Nguyễn Thị B và các thửa đất 05, 09, 119 với tổng diện tích là 7.084m² ở xã Nhị Mỹ của bà X. Tòa án đã giải quyết vụ án theo 02 bản án sơ thẩm, phúc thẩm theo như 02 bản án do nguyên đơn cung cấp. Tại bản án thì bà X thừa nhận việc ông H.E có đưa 25 chỉ vàng 24Kra thực hiện nghĩa vụ của bà B và 68.000.000 đồng để lo thuốc chữa bệnh và chi phí làm mai táng cho bà X.

Nay bà Nguyễn Thị X đồng ý thực hiện nghĩa vụ của bà B và bà X để lại là trả cho ông H.E 05 chỉ vàng 24Kra và 13.600.000 đồng.

Theo văn bản ghi ý kiến ngày 09/7/2020 ký tên Nguyễn T.T.L ghi nhận: Thừa nhận việc ông H.E có đưa ra 25 chỉ vàng 24Kra thực hiện nghĩa vụ cho bà Nguyễn Thị B và 68.000.000 đồng để lo mai táng cho bà X. Nay ông H.E yêu cầu bà L. thực hiện nghĩa vụ trả cho ông H.E 05 chỉ vàng 24Kra và 13.600.000 đồng thì bà L. đồng ý.

Theo văn bản ghi ý kiến của bà Phạm Thị Tuyết H là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T.L ghi nhận: Thừa nhận việc ông H.E có đưa ra 25 chỉ vàng 24Kra thực hiện nghĩa vụ cho bà Nguyễn Thị B và 68.000.000 đồng để lo mai táng cho bà X. Nay ông H.E yêu cầu bà L thực hiện nghĩa vụ trả cho ông

H.E 05 chỉ vàng 24Kra và 13.600.000 đồng thì bà L đồng ý.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày bổ sung: Số vàng mà ông H.E thực hiện trả nợ thay cho bà B là của ông H.E, không phải tài sản chung với ai. Ngoài ra, chi phí tiền thuốc và mai táng cho bà X cũng là tiền cá nhân của ông H.E, không có ai có đóng góp trong khoản tiền này. Đại diện nguyên đơn cũng tự nguyện quy đổi số vàng thành tiền để yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ với ông H.E. Thống nhất giá trị vàng 24Kra tại thời điểm xét xử làm tròn là 5.300.000 đồng/chỉ.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

Tài liệu do nguyên đơn cung cấp:

1. Bản án sơ thẩm số 89/2018 ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh (Bản photo);
2. Bản án phúc thẩm 166/2019 ngày 10/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp (Bản photo);
3. Giấy CMND Nguyễn Văn H.E (bản sao) và sổ hộ khẩu chủ hộ là Nguyễn Văn H.E (Bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Văn H.E có đơn yêu cầu bà B.N, bà L, bà X, bà L. có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị Kim X đã chết để lại nên quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp về dân sự - Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” theo quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị B.N, bà Nguyễn T.T.L, bà Phạm Thị Tuyết H là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T.L và ông Nguyễn Văn T là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị X có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Trong Quyết định xét xử số 177/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2020 thì thẩm phán chủ tọa là bà Võ Thị Ngọc Minh; dự khuyết là Trần Hữu Hà, Huỳnh Trung Dũng và Lê Văn Tinh. Tuy nhiên, do bận công việc đột xuất nên được thay thế thẩm phán chủ tọa là ông Trần Văn Đô. Đương sự có mặt tại phiên tòa thống nhất với sự thay đổi này nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử.

[2] Về nội dung:

Ông Nguyễn Văn H.E yêu cầu bà B.N, bà L, bà X, bà L. mỗi người trả lại 05 chỉ vàng 24Kra và 13.600.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ. Bởi vì, ông H.E, bà B.N, bà L, bà L. và bà X đều thừa nhận di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị Kim X có phát sinh tranh chấp. Di sản bao gồm diện tích 18.511m² (đo đạc thực tế 17.069m²), thửa 29, TĐĐ số 06, tọa lạc xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp của bà Nguyễn Thị B và các thửa đất 05, 09, 119 với tổng diện tích là 7.084m² ở xã Nhị Mỹ của bà X đã được chia theo bản án sơ thẩm số 89/2018/DSST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh và bản án phúc thẩm 166/2019/DSPT ngày 10/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã có hiệu lực. Trong 02 bản án thì phía bị đơn đều thừa nhận việc ông H.E có đưa ra 25 chỉ vàng 24Kra để thực hiện nghĩa vụ của bà B và số tiền thuốc, mai táng của bà X là 68.000.000 đồng. Việc các bị đơn hưởng di sản của bà B và bà X nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ để lại.

Đồng thời theo biên bản hòa giải ngày 04/8/2020 và các văn bản ghi ý kiến của bị đơn thừa nhận các khoản nghĩa vụ này chưa được ông H.E yêu cầu nên chưa thực hiện. Nay các bị đơn tự nguyện trả số vàng và tiền theo yêu cầu của ông H.E.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn yêu cầu quy số vàng thành tiền để các bị đơn thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Xét yêu cầu của đại diện nguyên đơn là phù hợp. Tại thời điểm xét xử thì giá vàng 24Kra làm tròn là 5.300.000 đồng/chỉ, được đại diện nguyên đơn thống nhất.

Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 615 Bộ luật dân sự thì yêu cầu của ông H.E là phù hợp nên chấp nhận. Các bị đơn có nghĩa vụ mỗi người trả cho nguyên đơn số vàng là 05 chỉ vàng 24Kra quy thành tiền là 26.500.000 đồng và 13.600.000 đồng. Tổng cộng là 40.100.000 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án thì: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải nộp án phí và được nhận lại 3.200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng

án phí số 0003801 ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Bà Nguyễn Thị B.N, bà Nguyễn Thị T.L, bà Nguyễn T.T.L và bà Nguyễn Thị X không phải nộp án phí sơ thẩm do là người cao tuổi và đơn yêu cầu miễn giảm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 615; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; điểm a, khoản 2, Điều 2, Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H.E;

Bà Nguyễn Thị B.N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H.E số tiền 40.100.000 (bốn mươi triệu một trăm nghìn) đồng.

Bà Nguyễn Thị T.L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H.E số tiền 40.100.000 (bốn mươi triệu một trăm nghìn) đồng.

Bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H.E số tiền 40.100.000 (bốn mươi triệu một trăm nghìn) đồng.

Bà Nguyễn T.T.L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H.E số tiền 40.100.000 (bốn mươi triệu một trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn H.E được nhận lại tiền tạm ứng án phí 3.200.000 (ba triệu hai trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003801 ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Bà Nguyễn Thị B.N, bà Nguyễn Thị T.L, bà Nguyễn T.T.L và bà Nguyễn Thị X không phải nộp án phí sơ thẩm do là người cao tuổi và đơn yêu cầu miễn giảm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Văn Đô